TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019.
V/v: *"Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Chí Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc "Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 682 đường Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 724 đường Mạc Cửu, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/01/2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2014 thì vợ chồng thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm cũng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận giữa bà và ông N quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 26/9/2010, hiện nay đang sống cùng với bà T, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 724 đường Mạc Cửu, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điêm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông N là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/01/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện xin ly hôn ông N với lý do: Thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà T và ông N đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên cũng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do bà T cung cấp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[4] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị T xác định giữa bà và ông N có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 26/9/2010, hiện nay đang sống cùng với bà T, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét con chung đang sống cùng với bà T, nên cần thiết giao cho bà tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc A. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị T.

Ông Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N thực hiện các quyền này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị T xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Văn N cũng không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007217 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung*:* Giao con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 26/9/2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Nếu sau này, trong quá trình nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị T gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung hoặc trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N thực hiện các quyền và nghĩa vụ này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết hiện nay không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu ông Nguyễn Văn N có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007217 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/11/2019). Bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh